TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ RG** TỈNH KIÊN GIANG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 100/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 28/11/2018
V/v tranh chấp về ly hôn, nuôi con chung.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ RG
TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Đào Đức Luân

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Quốc Tiến

2. Bà Chung Kim Sang

- Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Hồng Thắm – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố RG, tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố RG, tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa: Bà Thị Thu Thủy – Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 11 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố RG xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 185/2018/TLST-HNGĐ, ngày 08 tháng 6 năm 2018 về việc "Tranh chấp về ly hôn, nuôi con chung" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 111/2018/QĐXXST-HNGĐ, ngày 09 tháng 11 năm 2018, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị **Ngô Kim Minh D**, sinh năm 1983 (có mặt).

Địa chỉ: Số 142, ấp SC, xã PT, TP. RG, tỉnh Kiên Giang.

2. Bị đơn: Anh **Trịnh Văn G**, sinh năm 1982 (vắng mặt, có đơn xin vắng mặt).

Địa chỉ: Số 142, ấp SC, xã PT, TP. RG, tỉnh Kiên Giang.

Nơi làm việc: Tổ 4, ấp TT, xã PT, TP. RG, tỉnh Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện đề ngày 11/4/2018 và lời khai trong suốt quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn – chị Ngô Kim Minh D trình bày: Chị và anh G tự quen nhau, tổ chức lễ cưới vào ngày 24/3/2010 âm lịch, sau đó hai

người đi đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã PT, TP. RG, tỉnh Kiên Giang và được cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 06/9/2010.

Vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn từ tháng 6 năm 2017 và sống ly thân từ đó cho đến nay.

Nguyên nhân mâu thuẫn: Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc nhưng từ giữa năm 2017 thì hai người thường xảy ra mâu thuẫn, chủ yếu là do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm trong cách sống, anh G thường hay đi làm về khuya, chị còn phát hiện anh G có mối quan hệ bất chính với người phụ nữ khác nên vợ chồng thường xuyên cự cãi. Chị đã nhiều lần cố gắng hòa giải hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng không được mà mâu thuẫn ngày càng trở nên trầm trọng. Cảm thấy không thể sống chung với nhau được nữa nên chị yêu cầu được ly hôn với anh G.

- Về con chung: Có 02 người con chung tên Trịnh Đăng K và Trịnh Đăng K, cùng sinh vào ngày 07/12/2011. Chị D yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng 02 người con chung tên Trịnh Đăng K và Trịnh Đăng K, chị thống nhất theo ý kiến của anh G trong biên bản lấy lời khai lập ngày 28/9/2018, cụ thể là anh G có nghĩa vụ cấp dưỡng cho 02 người con chung mỗi tháng 3.000.000 đồng, thời gian bắt đầu thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng là ngày 01/11/2018 và ngày 01 của các tháng, các năm tiếp theo cho đến khi 02 người con chung đủ 18 tuổi.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Chị D cam kết ly hôn không nhằm mục đích trốn tránh nghĩa vụ về tài sản và nợ đối với người khác.

- Tại biên bản lấy lời khai lập ngày 28/9/2018, bị đơn – anh Trịnh Văn G trình bày: Anh và chị D tự quen biết, tìm hiểu nhau và tự nguyện tiến tới hôn nhân, có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán vào tháng 9/2010, sau đó hai người đi đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã PT, TP. RG, tỉnh Kiên Giang và được cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 06/9/2010. Trong quá trình chung sống, vợ chồng có 02 người con chung tên Trịnh Đăng K và Trịnh Đăng K, cùng sinh vào ngày 07/12/2011. Anh và chị D bắt đầu phát sinh mâu thuẫn từ giữa năm 2017 và sống ly thân từ đó cho đến nay, nguyên nhân chủ yếu là do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm trong cách sống, chị D hay ghen vô cớ, anh thừa nhận là có hay đi về khuya nhưng là vì lý do công việc chứ không phải là có mối quan hệ bất chính với người phụ nữ khác như phía chị D đã nói. Anh đã nhiều lần cố gắng hòa giải hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng không được mà mâu thuẫn ngày càng trở nên trầm trọng. Nay anh có ý kiến như sau:

Về hôn nhân: Đồng ý ly hôn theo yêu cầu của chị D.

Về con chung: Anh đồng ý giao 02 người con chung tên Trịnh Đăng K và Trịnh Đăng K cho chị D nuôi dưỡng, anh sẽ cấp dưỡng cho 02 người con chung mỗi tháng 3.000.000 đồng, thời gian bắt đầu thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng là ngày 01/11/2018 và ngày 01 của các tháng, các năm tiếp theo cho đến khi 02 người con chung đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố RG phát biểu quan điểm:

Về việc tuân theo pháp luật: Từ khi thụ lý vụ án cho đến thời điểm mở phiên tòa hôm nay, Thẩm phán, Hội đồng xét xử cũng như Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng và đầy đủ trình tự, thủ tục theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Những người tham gia phiên tòa đã chấp hành tốt, thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 để xem xét, chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Về thủ tục tố tụng:

[1] Nguyên đơn – Chị Ngô Kim Minh D yêu cầu ly hôn, nuôi con chung đối với bị đơn – anh Trịnh Văn G nên quan hệ pháp luật tranh chấp giữa các bên là "Tranh chấp về ly hôn, nuôi con chung" theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Các đương sự tranh chấp về quan hệ hôn nhân, bị đơn có nơi cư trú tại TP. RG, tỉnh Kiên Giang. Do đó, căn cứ theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, vụ án trên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân TP. RG, tỉnh Kiên Giang.

[3] Bị đơn – anh Trịnh Văn G có đơn xin vắng mặt toàn bộ các giai đoạn tố tụng của Tòa án và đã vắng mặt tại phiên tòa hôm nay. Nguyên đơn – chị Ngô Kim Minh D yêu cầu xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định pháp luật. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 quyết định xét xử vắng mặt bị đơn – anh Trịnh Văn G.

Về nội dung vụ án:

[1] Xét yêu cầu ly hôn: Chị D và anh G tự quen nhau, sau đó quyết định tiến tới hôn nhân, hai người đi đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã PT, thành phố RG, tỉnh Kiên Giang và được cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 06/9/2010; như vậy, việc kết hôn của chị D và anh G đã thực hiện đúng theo quy định tại Điều 11 và Điều 14 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000 nên quan hệ hôn nhân giữa hai người là hợp pháp. Qua lời khai trong suốt quá trình giải quyết vụ án, chị D và anh G đều thừa nhận trong quá trình chung sống, vợ chồng đã xảy ra mâu thuẫn; chị D cho rằng nguyên nhân chủ yếu là do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm trong cách sống, anh G thường hay đi làm về khuya, chị còn phát hiện anh G có mối quan hệ bất chính với người phụ nữ khác; anh G thì cho rằng nguyên nhân chủ yếu là do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm trong cách sống, chị D hay ghen vô cớ, anh thừa nhận là có hay đi về khuya nhưng là vì lý do công việc chứ không phải là có mối quan hệ bất chính với người phụ nữ khác như phía chị D đã nói. Hiện nay chị D và anh G xác định giữa hai người đều không còn tình cảm với nhau, mâu thuẫn ngày càng trở nên trầm trọng nên anh, chị thống nhất yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn nhưng do anh G vắng mặt tại phiên tòa nên Hội đồng xét xử không thể công nhận thuận tình ly hôn cho chị D và anh G. Xét thấy, mục đích hôn nhân giữa chị D và anh G không đạt được, cuộc sống chung không thể kéo dài và việc chị D, anh G đồng ý ly hôn là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với quy định tại Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; do đó, Hội đồng xét xử thống nhất chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Ngô Kim Minh D và anh Trịnh Văn G.

[2] Về con chung: Chị D và anh G thống nhất thỏa thuận giao 02 người con chung tên Trịnh Đăng K và Trịnh Đăng K cho chị D nuôi dưỡng, anh sẽ cấp dưỡng cho 02 người con chung mỗi tháng 3.000.000 đồng, thời gian bắt đầu thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng là ngày 01/11/2018 và ngày 01 của các tháng, các năm tiếp theo cho đến khi 02 người con chung đủ 18 tuổi. Xét sự thỏa thuận này phù hợp với quy định tại các Điều 110, 116, 117 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, do đó Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Về tài sản chung, nợ chung: Chị D và anh G xác định không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết, do đó Hội đồng xét xử không xem xét.

Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện ly hôn và nuôi con chung của nguyên đơn – chị Ngô Kim Minh D.

[4] Về án phí sơ thẩm:

- Án phí ly hôn: Nguyên đơn – chị Ngô Kim Minh D phải chịu nghĩa vụ nộp số tiền án phí 300.000 đồng. Khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm 300.000 đồng

mà chị D đã nộp theo biên lai thu tiền số 0004743, ngày 28/5/2018 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố RG nên chị D không phải nộp thêm.

- Án phí cấp dưỡng: Do giữa chị D và anh G đã thỏa thuận được với nhau về mức cấp dưỡng và phương thức cấp dưỡng nên anh G chỉ phải chịu án phí với số tiền là: 300.000 đồng x 50% = 150.000 (một trăm năm mươi nghìn đồng).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147, khoản 1 Điều 228, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Áp dụng các Điều 56, 81, 82, 83, 110, 116, 117 của Luật hôn nhân gia đình năm 2014;

- Áp dụng điểm a khoản 5, điểm b khoản 6 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn – chị Ngô Kim Minh D, cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Ngô Kim Minh D được ly hôn với anh Trịnh Văn G.

- Về con chung: giao 02 người con chung tên Trịnh Đăng K và Trịnh Đăng K cho chị D nuôi dưỡng, anh sẽ cấp dưỡng cho 02 người con chung mỗi tháng 3.000.000 đồng, thời gian bắt đầu thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng là ngày 01/11/2018 và ngày 01 của các tháng, các năm tiếp theo cho đến khi 02 người con chung đủ 18 tuổi.

Sau khi ly hôn, anh G có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Trường hợp anh G lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì chị D có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của anh G.

Quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và cấp dưỡng nuôi con sau khi ly hôn được thực hiện theo quy định pháp luật.

- Về tài sản chung và nợ chung vợ chồng: Chị D và anh G xác định không có, không yêu cầu giải quyết, nên không xem xét.

2. Về án phí sơ thẩm:

- Án phí ly hôn: Nguyên đơn – chị Ngô Kim Minh D phải chịu nghĩa vụ nộp số tiền án phí 300.000 đồng. Khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm 300.000 đồng mà chị D đã nộp theo biên lai thu tiền số 0004743, ngày 28/5/2018 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố RG nên chị D không phải nộp thêm.

- Án phí cấp dưỡng: Do giữa chị D và anh G đã thỏa thuận được với nhau về mức cấp dưỡng và phương thức cấp dưỡng nên anh G chỉ phải chịu án phí với số tiền là: 300.000 đồng x 50% = 150.000 (một trăm năm mươi nghìn đồng).

3. Về nghĩa vụ thi hành án: Kể từ ngày bản án có hiệ u lực pháp luật, có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải cấp dưỡng nuôi con chung cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự 2015.

4. Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng đối với đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

***Nơi nhận*:**
- TAND tỉnh KIÊN GIANG;
- VKSND TP. RG;
- Chi cục THA dân sự TP. RG;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Đào Đức Luân

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Quốc Tiến **Chung Kim Sang** **Đào Đức Luân**